

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B **Phòng thi:** C1.A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 15/12/2021

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0059	SV5848883	Vũ Duy Hiếu	07/12/2000		
2	TA0060	SV5848884	Nguyễn Xuân Lộc	30/03/1998		
3	TA0061	SV5848885	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/08/2000		
4	TA0062	SV5848886	Nguyễn Thị Hương	05/08/2003		
5	TA0063	SV5848887	Chu Hồng Nhung	13/11/1999		
6	TA0064	SV5848888	Giáp Văn Luyện	21/06/2000		
7	TA0065	SV5848889	Phạm Thanh Tùng	03/06/1999		
8	TA0066	SV5848890	Vũ Thuỳ Linh	01/01/2000		
9	TA0067	SV5848891	Bùi Thị Hoa	01/03/2000		
10	TA0068	SV5848892	Nguyễn Thị Bích	04/12/2000		
11	TA0069	SV5848893	Đỗ Văn Khải	18/09/1999		
12	TA0070	SV5848894	Tô Ngọc Dâu	05/04/1999		
13	TA0071	SV5848895	Phạm Anh Đức	24/05/1999		
14	TA0072	SV5848896	Thái Bá Tài	02/02/1998		
15	TA0073	SV5848897	Nguyễn Thuý Đào	29/06/1999		
16	TA0074	SV5848898	Đoàn Thế Phong	29/07/1999		
17	TA0075	SV5848899	Nguyễn Hà Phúc	10/09/1999		
18	TA0076	SV5848900	Nguyễn Thanh Hiền	27/01/1999		
19	TA0077	SV5848901	Tổng Ngọc Anh	25/02/1999		
20	TA0078	SV5848902	Tạ Thu Hà	12/09/1999		
21	TA0079	SV5848903	Tô Huy Minh	23/09/1999		
22	TA0080	SV5848904	Nguyễn Quang Tiến	11/07/1999		
23	TA0081	SV5848905	Võ Hồng Mạnh	14/02/1999		
24	TA0082	SV5848906	Nguyễn Văn Minh	28/09/1999		
25	TA0083	SV5848907	Đoàn Hữu Chiến	26/12/1999		
26	TA0084	SV5848908	Dương Thị Yến	11/12/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0085	SV5848909	Đoàn Hồng Quân	02/06/1999		
28	TA0086	SV5848910	Phùng Khánh Thành	24/07/1995		
29	TA0087	SV5848911	Nguyễn Thị Hoa	09/04/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....
 Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)